

BÁO CÁO TÓM TẮT

Dự án CLS+ Nghiên cứu tại Việt Nam

Ngành may mặc, giày dép và điện tử

Đỗ Quỳnh Chi

CLS+

Tiêu chuẩn Lao động Cơ bản và Mở rộng

Gắn kết Thương mại và Thịnh vượng Chung trong
Chuỗi Cung ứng Toàn cầu tại châu Á

**FRIEDRICH
EBERT**
STIFTUNG

Báo cáo tóm tắt

Dự án CLS+: Nghiên cứu tại Việt Nam

Ngành may mặc, giày dép và điện tử

Giới thiệu

Tại châu Á, các quốc gia có định hướng xuất khẩu như Băng-la-đét, Pa-ki-xtan, Cam-pu-chia và Việt Nam dựa vào lợi thế giá lao động rẻ và lực lượng lao động hùng hậu để tham gia vào các thể chế thương mại toàn cầu mới, nơi các biện pháp bảo hộ phát triển kinh tế trong nước (như đã được áp dụng bởi chính phủ các nước châu Á khác như Hàn Quốc và Đài Loan) có thể không còn là hướng phát triển khả thi. Đặc biệt, các cơ chế ưu đãi và thỏa thuận thương mại đang tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các chuỗi cung ứng toàn cầu, khi 80% các giao dịch thương mại trên thế giới đang được thực hiện thông qua các chuỗi này.

Tuy nhiên, tự do hóa thương mại và các thỏa thuận thương mại như hiện nay đang tạo nên áp lực cạnh tranh khốc liệt trong một số ngành như may mặc, giày dép và điện tử gia dụng. Trong khi đó các điều khoản về xã hội đi kèm các thỏa thuận thương mại đưa lại quá ít sự bảo đảm cho người lao động về các tiêu chuẩn lao động cơ bản, chưa kể tới lương và trợ cấp xã hội. Sự chênh lệch về quyền lực giữa các tập đoàn đa quốc gia (Multi National Corporations – MNC) trên đỉnh chuỗi cung ứng toàn cầu và các nhà cung cấp trong chuỗi cho phép các tập đoàn này áp đặt giá sản xuất thấp, gián tiếp tạo ra mức lương thấp, mức lợi nhuận thấp cũng như các điều kiện lao động không đảm bảo (ví dụ NLĐ phải làm việc trong các tòa nhà đổ nát). Trong ngành dệt may, có bằng chứng thực tế trong giai đoạn 1989 - 2014 cho thấy sự tương quan giữa mức độ suy giảm tuân thủ các quyền của người lao động và sự sụt giảm trong giá nhập khẩu sản phẩm may mặc của các thương hiệu quốc tế vào Mỹ. 'Cuộc đua xuống đáy' không còn là một khẩu hiệu mà đã trở thành một thực tiễn kinh tế.

Trong bối cảnh đó, dự án Tiêu chuẩn Lao động Cơ bản và Mở rộng (CLS+) được điều phối và thực hiện bởi Friedrich Ebert Stiftung (FES) và các viện nghiên cứu lao động tại các quốc gia tham gia. Dự án hướng tới việc thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn lao động và xã hội toàn diện, bao gồm và cao hơn Các Tiêu chuẩn Lao động Cơ bản (CLS). Phạm vi nghiên cứu tập trung vào các ngành công nghiệp xuất khẩu ở 4 quốc gia gồm Pa-ki-xtan, Cam-pu-chia, Băng-la-đét và Việt Nam trong khuôn khổ các thỏa thuận thương mại và hệ thống ưu đãi thương mại. Ngoài các tiêu chuẩn lao động cơ bản, dự án cũng đề cập tới khái niệm lương đủ sống, tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe lao động và giới hạn giờ làm việc.

Nghiên cứu tại Việt Nam được điều phối bởi văn phòng FES tại Việt Nam và thực hiện bởi nhóm nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Quan hệ Lao động (ERC). Nghiên cứu khám phá thực tiễn lao động trong chuỗi cung ứng toàn cầu của ba ngành hàng xuất khẩu chính tại Việt Nam gồm hàng may sẵn (RMG), da giày (tập trung vào giày thể thao) và điện tử (tập trung vào điện thoại di động và linh kiện) đặt trong bối cảnh hệ thống quan hệ thương mại và lao động trong nước. Ngoài rà soát một khối lượng lớn các tài liệu tiếng Anh và tiếng Việt sẵn có, nghiên cứu còn dựa trên một nghiên cứu thực chứng ở bốn cấp độ (Hình 1).

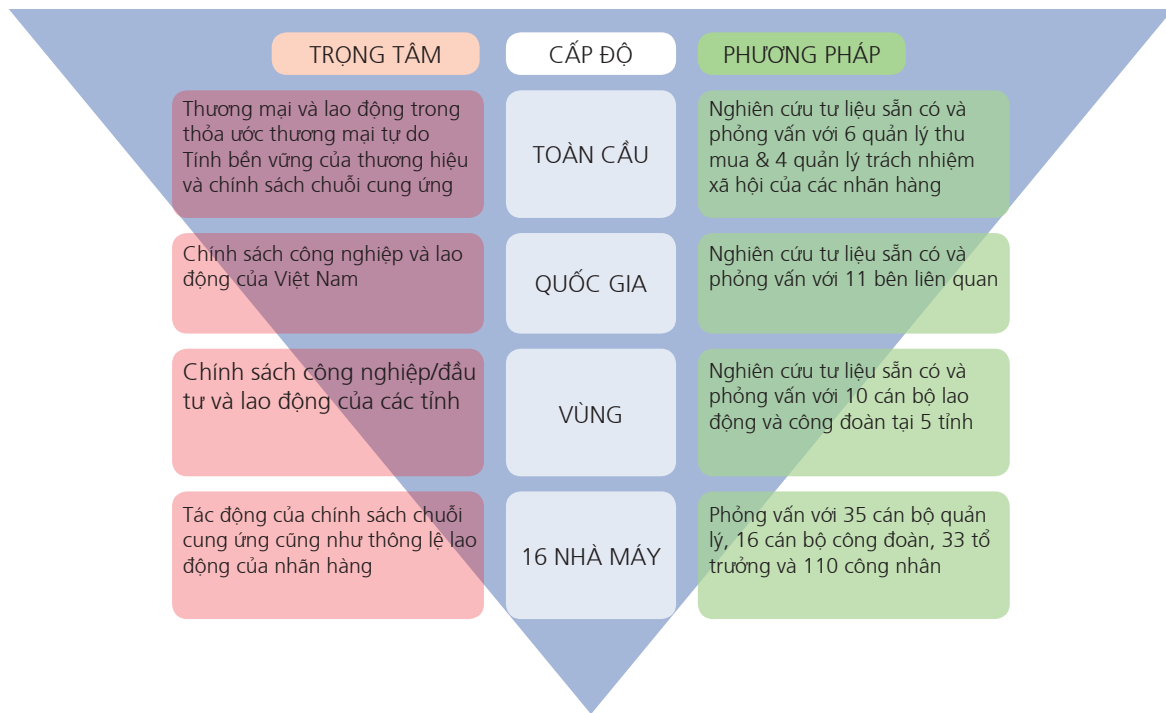
Ở cấp độ quốc tế, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu với cấp quản lý các bộ phận trách nhiệm xã hội (CSR) và mua hàng của các nhãn hàng may mặc, giày dép và điện tử lớn có sản xuất tại Việt Nam. Tại cấp quốc gia và cấp tỉnh, nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn 11 lãnh đạo ngành lao động cấp trung ương và cấp tỉnh, thanh tra lao động và cán bộ công đoàn. Tại nơi làm việc, nhóm nghiên cứu đã đến thăm 16 nhà máy ở 04 tỉnh, bao gồm thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Đà Nẵng và Bắc Ninh, phỏng vấn 35 cán bộ quản lý, 16 lãnh đạo công đoàn cơ sở, 33 tổ trưởng và 110 công nhân trực tiếp tham gia sản xuất.

Báo cáo tóm tắt này sẽ trình bày những kết quả chính từ nghiên cứu tại Việt Nam. Báo cáo đầy đủ sẽ được công bố vào đầu năm 2017. Cùng với kết quả nghiên cứu từ ba quốc gia châu Á khác trong khuôn khổ dự án, báo cáo cuối cùng sẽ được chuyển tới các bên liên quan ở Việt Nam, cũng như các nhà lập pháp, các tổ chức của người sử dụng lao động, công đoàn và các tổ chức xã hội trong Liên minh châu Âu, thị trường xuất khẩu chủ lực cho cả ba ngành hàng nói trên của Việt Nam.

Tổng quan chuỗi cung ứng ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam

May mặc, giày dép và điện tử là ba ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Trong đó 'nhà vô địch' về xuất khẩu cả nước phải kể tới ngành điện tử, chiếm 28,25% tổng giá trị xuất khẩu năm 2015 (riêng điện thoại di động và linh kiện điện thoại di động đã chiếm tới 18,62%). Đứng thứ hai là dệt may với 17,42%, theo sau là giày dép với mức xuất khẩu đạt 7,41% tổng giá trị xuất khẩu cả nước. Tuy nhiên, đa số các công ty xuất khẩu trong cả ba ngành đều là các công ty nhỏ và vừa với số lượng công nhân ít hơn 500 người, trong khi đó hầu hết các công ty lớn đều thuộc sở hữu nước ngoài. Hiện ước tính có khoảng 3 triệu

Hình 1: Phương pháp nghiên cứu được áp dụng tại Việt Nam



lao động làm việc trong 3 ngành này và 70% số lao động là nữ.

Mặc dù tăng trưởng nhanh, cả ba ngành công nghiệp xuất khẩu đều phụ thuộc nhiều vào các linh kiện và nguyên liệu nhập khẩu đã qua chế biến. Ngành hàng may sẵn đang nhập khẩu 60% nguyên vật liệu trong khi con số này của ngành giấy dếp là 55% và ngành điện thoại di động và linh kiện là gần 90% (Ngân hàng Thế giới 2015). Với đa số linh kiện và nguyên liệu nhập khẩu, các nhà sản xuất Việt Nam đang tham gia vào công đoạn mang lại giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi giá trị toàn cầu, công đoạn gia công lắp ráp. Vì vậy, chi phí lao động thấp trở thành yếu tố quyết định lợi nhuận của các nhà máy này.

Các phát hiện chính

1. Đặc trưng của các chuỗi cung ứng hàng may sẵn, giấy dếp và điện tử là vị thế ‘độc quyền mua’ của nhân hàng với các nhà cung ứng, trong đó các nhân hàng toàn quyền ấn định giá mua cũng như nhà cung ứng nào được tham gia vào chuỗi giá trị. Tại Việt Nam, sức mạnh độc quyền của các nhân hàng ngành may mặc và giấy dếp yếu hơn so với ngành điện tử do có nhiều nhân hàng tham gia hơn và một nhà cung ứng cũng có thể hợp đồng với nhiều nhân hàng. Trong khi đó, ngành điện tử có ít nhân hàng tham gia hơn và sự cạnh tranh cũng khốc liệt hơn, nên hầu hết các nhà cung ứng chỉ

cung cấp cho một hoặc một số ít các nhân hàng.

- Do sự độc quyền của các nhân hàng, các nhà cung cấp lắp ráp nhận được phần nhỏ nhất trong chuỗi cung ứng toàn cầu, buộc họ phải cắt giảm chi phí lao động tới mức thấp nhất. Các nhân hàng hưởng phần lớn nhất của “chiếc bánh” lợi nhuận với trung bình 9% trong ngành giấy dếp, 16% trong ngành may mặc và lên đến 60% cho ngành sản xuất điện thoại di động. Các nhà cung cấp lắp ráp tham gia vào công đoạn cuối và ít giá trị gia tăng nhất trong chuỗi giá trị toàn cầu đang vật lộn với tỉ suất lợi nhuận chỉ từ 2% trong ngành may mặc, 3% trong ngành giấy dếp và 6% (giá bán ròng) hoặc thấp hơn trong ngành điện tử. Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương và các khoản liên quan khác chỉ rơi vào khoảng 3% giá bán ròng của sản phẩm may mặc, 9% của giấy dếp và 3.8% sản phẩm điện tử.
- Chi phí lao động trở thành chuyện “chấp nhận hay bị loại bỏ” thay vì một yếu tố đàm phán giữa nhân hàng và nhà cung ứng ở cả ba ngành sản xuất. Tất cả các nhà cung ứng dệt may và giấy dếp đều nhận định rằng giá thu mua từ các nhân hàng không hề tăng trong vòng 5 năm vừa qua, một số thậm chí phải đối mặt với việc các nhân hàng gây áp lực giảm giá mua từ 5% đến 10% một năm. Giá thu mua từ các doanh nghiệp cung ứng điện tử chủ yếu bị áp đặt bởi các nhân hàng và liên tục giảm hàng quý. Việc giá mua đóng

Bảng 1: Tổng quan ngành hàng may sẵn, giấy dếp và điện tử tại Việt Nam (2015)

	May mặc	Giấy dếp	Điện tử
Số doanh nghiệp xuất khẩu tại Việt Nam	2,500	1,382	1,100
Số lao động	2,500,000	930,000	325,583
Đóng góp vào giá trị xuất khẩu (%)	17.42%	7.41%	28.25%

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả từ nhiều nguồn khác nhau (tháng 8 năm 2016)

bảng trong 5 năm vừa qua đã chứng minh tiền lương trả cho người lao động làm việc tại các cơ sở cung ứng thực chất không phải là một yếu tố thương lượng trong giá giữa nhà cung ứng và nhân hàng, mặc dù tất cả các nhân hàng được phỏng vấn đều yêu cầu các nhà cung cấp của họ tuân thủ mức lương tối thiểu.

- Tăng năng suất và giảm chi phí lao động là những giải pháp của các nhà cung ứng khi đối mặt với áp lực giá từ các nhân hàng. Khi giá thu mua của các nhân hàng không tăng trong 5 năm vừa qua, để kinh doanh có lãi, các nhà cung ứng buộc phải tăng năng suất bằng cách tăng mức độ tự động hóa; giảm số nhân công trên chuyên trong khi tăng tổng sản lượng; và giảm lương thực trả cho công nhân. Hệ quả là rất nhiều người lao động mất việc làm và số còn lại phải chịu đựng cường độ làm việc cao hơn mà không được tăng lương tương xứng. Dưới đây là ví dụ về một doanh nghiệp cung ứng giấy dếp nước ngoài: từ năm 2013 đến 2015, nhà máy đã tăng gấp đôi tổng sản lượng hàng tháng trong khi giảm 25% lực lượng lao động trên chuyên sản xuất (Bảng 2). Trong khi đó, mức lương của công nhân vẫn phụ thuộc vào lương tối thiểu và thâm niên mà không phản ánh đúng cường độ và năng suất lao động.
- Sự xung đột giữa mô hình kinh doanh nhân hàng thời trang ‘ăn liền’ chi phí thấp và tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội đang cản trở các nhân hàng có những nỗ lực

thực sự giúp cải thiện tiêu chuẩn bền vững trong chuỗi cung ứng của họ. Nghiên cứu cho thấy rất ít mối liên hệ giữa chính sách trách nhiệm xã hội và chiến lược thu mua của các nhân hàng ở cả ba ngành sản xuất. Tất cả các nhân hàng đều yêu cầu các nhà cung ứng cấp 1 và cấp 2 của họ phải tuân thủ luật lao động Việt Nam cũng như chuẩn trách nhiệm xã hội của hãng. Các nhân hàng cũng sẽ kiểm tra mức độ tuân thủ của các nhà cung ứng qua kiểm toán trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, việc phải tuân thủ các tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội (và trong nhiều trường hợp chi trả cho việc kiểm toán) đang làm tăng chi phí mà các nhà cung ứng phải chịu trong khi họ hiếm khi được thưởng nếu tuân thủ hay làm tốt hơn chuẩn. Mặt khác, các nhân hàng liên tục tăng áp lực lên nhà cung ứng để giữ nguyên hoặc thậm chí giảm giá thu mua. Các áp lực trái chiều từ nhân hàng đang dẫn loại bỏ các nhà cung ứng có thông lệ lao động tốt (nhưng không thể giảm chi phí) và khuyến khích việc hạ thấp chuẩn lao động nhằm giảm chi phí lao động.

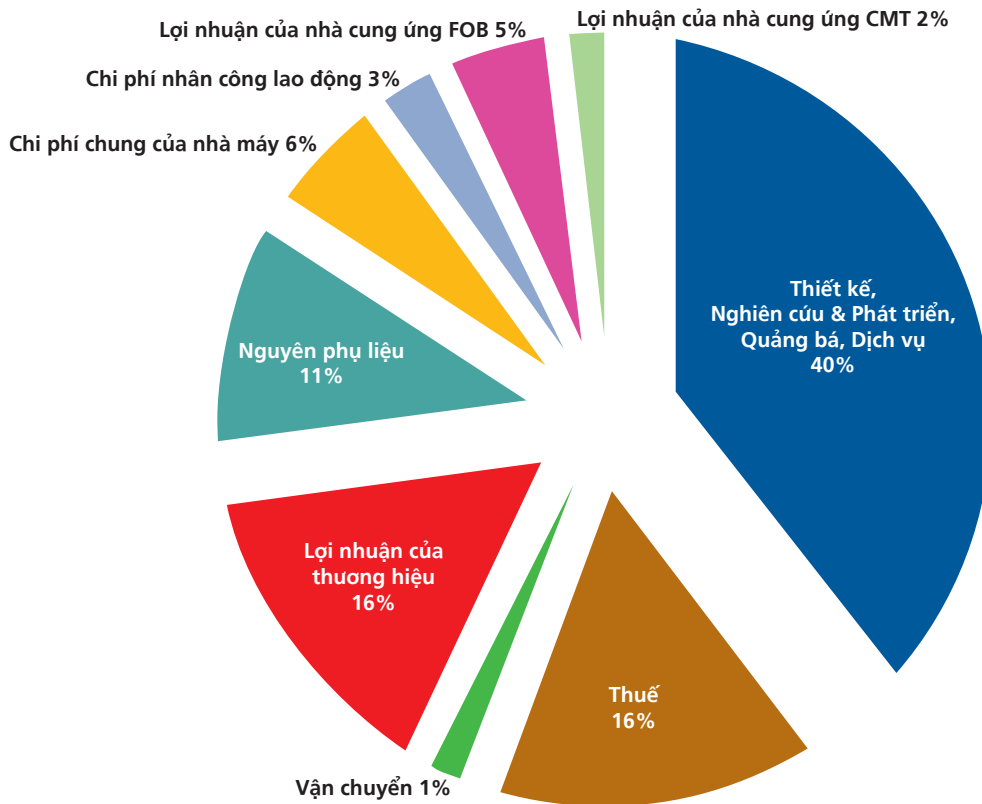
- Ngoài các nhân hàng, các nhà cung cấp³ và cung ứng cấp 1 cũng đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng áp lực chi phí lên các thầu phụ của họ. Trong khi các nhân hàng chưa điều chỉnh giá thu mua trong vòng 5 năm qua, các nhà cung cấp và cung ứng cấp 1 còn gây khó khăn hơn nữa, ép các đơn vị cung ứng cấp 2 phải giảm giá. Một nhà thầu phụ Việt Nam trong ngành dệt

Bảng 2: Giảm thiểu chi phí tại nhà máy cung ứng giấy dếp

Năm	2013	2014	2015
Sản lượng hàng tháng (USD)	1.6 triệu	2.8 triệu	3.1 triệu
Số công nhân/ chuyên	80	70	60
Lương	Lương tối thiểu +5%/năm	Lương tối thiểu +5%/năm	Lương tối thiểu +5%/năm

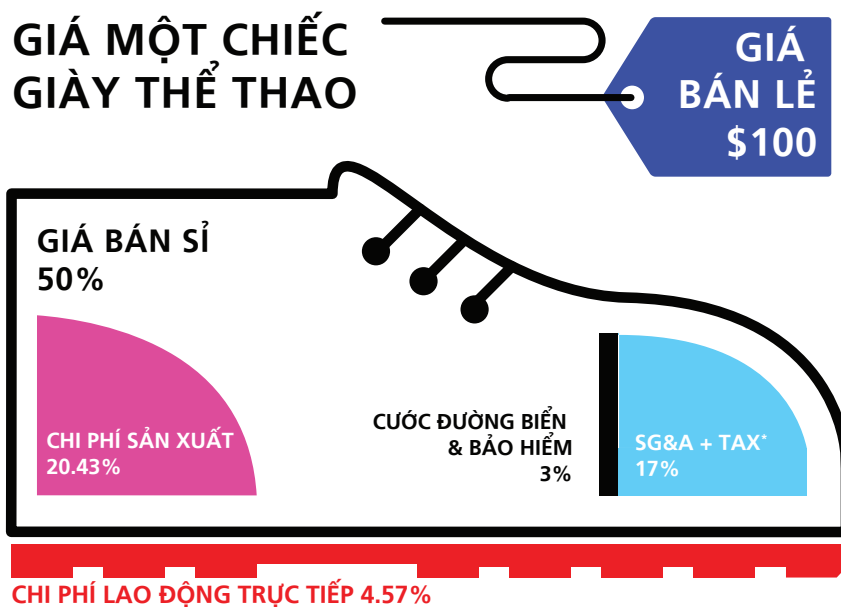
Nguồn: tác giả tổng hợp dựa trên phỏng vấn với cấp quản lý của nhà máy giấy dếp, tháng 7 năm 2016

Hình 2: Cấu trúc giá và tỉ suất lợi nhuận của các nhãn hàng thời trang, các nhà cung ứng cấp 1 và cấp 2 tại Việt Nam



Nguồn: Tính toán bởi tác giả dựa trên thông tin lấy được qua phỏng vấn nhân sự quản lý tại các doanh nghiệp cung ứng ngành may

Hình 3: Bóc tách giá của một đôi giày thể thao



Nguồn: Tổng hợp bởi tác giả dựa trên phỏng vấn với doanh nghiệp cung ứng sản phẩm giày dép và thông tin từ UNIDO (2000)¹ và Solereview (2015)²
 * Chi phí bán hàng, quản trị, chi phí chung và thuế 17%

- 'Nếu lương tối thiểu tiếp tục tăng với tốc độ này trong khi giá thu mua gia công vẫn đóng băng, thì **công ty tôi chỉ có thể tiếp tục cầm cự thêm 3 năm nữa**' (Phó giám đốc một doanh nghiệp dệt may Việt Nam)

- 'Chúng tôi tiến hành đánh giá trách nhiệm xã hội và thông báo cho đội mua hàng. **Chúng tôi cũng không biết việc định giá diễn ra như thế nào.** Đây là công việc của phòng ban khác' (Quản lý bền vững tại một nhãn hàng may mặc của Mỹ)

- 'Chi phí lao động chỉ là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới giá thu mua hàng gia công. Chúng tôi cũng yêu cầu các nhà cung cấp tăng sản lượng, giảm lãng phí và tăng năng suất' **Chính vì vậy chúng tôi không phải tăng giá.** (Quản lý mua hàng khu vực châu Á của một nhãn hàng da giày Châu Âu)

Interviews conducted between July and September 2016

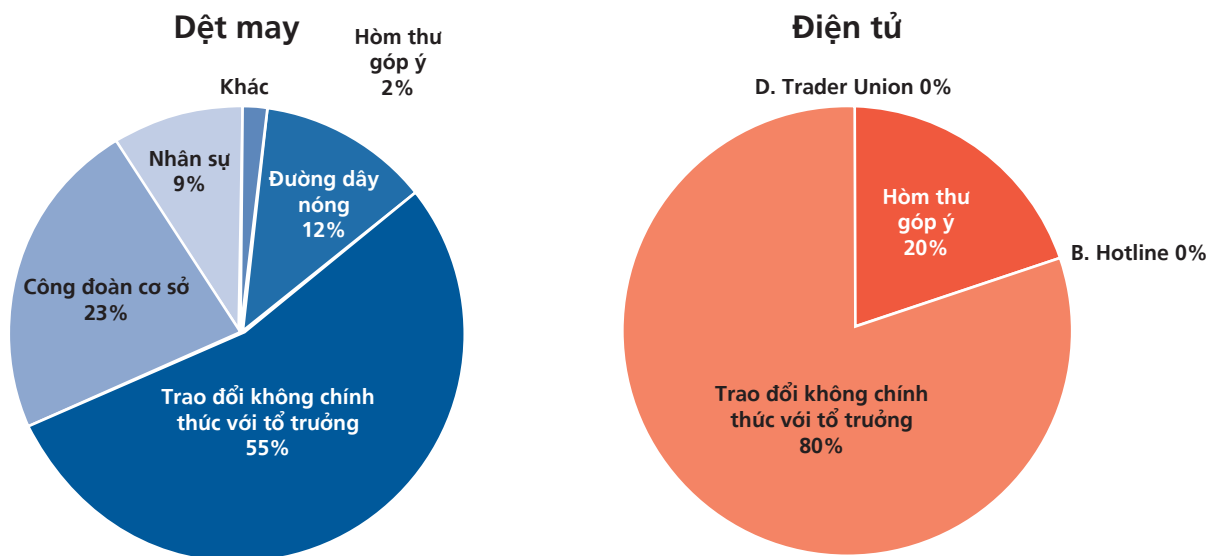
may cho biết: "chúng tôi không thể làm việc trực tiếp với các nhãn hàng nên phải làm việc qua nhà cung cấp nhưng các nhà cung cấp này đang ép (giá) chúng tôi quá đáng. Vài năm trước, tỉ suất lợi nhuận của chúng tôi vẫn còn cao hơn lãi suất ngân hàng, giờ thì còn thấp hơn. Nhưng nếu không chấp nhận giá đó, chúng tôi không có đủ công ăn việc làm cho người lao động". Trong khi đó, các nhãn hàng không thể đảm bảo khả năng giám sát tất cả các hoạt động thầu phụ trong chuỗi cung ứng.

7. Bất chấp áp lực giá từ các nhãn hàng, các nhà cung ứng nội địa chọn cách tiếp cận bền vững hơn trong vấn đề chuẩn lao động so với các doanh nghiệp vốn nước ngoài. Nghiên cứu cho thấy môi trường làm việc và lương thực tế của công nhân trong các nhà máy cung ứng không phải lúc nào cũng tương ứng với giá trị gia tăng hay tỉ suất lợi nhuận của nhà máy. Các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần, cho thấy thông lệ lao động tốt hơn so với các doanh nghiệp vốn nước ngoài ngay cả khi tỉ suất lợi nhuận của họ ở mức thấp nhất trong chuỗi cung ứng. Đặc biệt, các doanh nghiệp dệt may từng thuộc sở hữu nhà nước trả cho công nhân mức lương cao hơn

so với các doanh nghiệp vốn nước ngoài, đầu tư nhiều hơn vào nâng cao tay nghề, xây dựng đa dạng các cơ chế đối thoại, khiếu nại giữa cấp quản lý và người lao động, đồng thời đưa ra một mức phúc lợi rộng rãi hơn. Trong khi đó, công nhân trực tiếp tại các doanh nghiệp vốn nước ngoài có ít cơ hội và sự khích lệ để nâng cao kỹ năng hơn. Mức lương của công nhân ở các doanh nghiệp này phụ thuộc vào chuyên cần và thâm niên hơn là kỹ năng và năng suất lao động.

8. Mức độ tuân thủ tiêu chuẩn lao động trong ngành dệt may là tốt nhất, theo sau là ngành giấy dép. Trong khi đó, tình hình của ngành điện tử là tồi tệ nhất, đặc biệt trong các lĩnh vực an toàn và vệ sinh lao động (ATVSLĐ), giờ làm việc và lương đủ sống. Các công nhân ngành điện tử phải đối mặt với việc bị cưỡng bức làm thêm tới 100 giờ/tháng. Lương làm thêm giờ chiếm tới 50% thu nhập thực nhận trong khi lương cơ bản vẫn chỉ ở mức lương tối thiểu. So với hai ngành còn lại, đối thoại xã hội trong ngành điện tử hiện còn ở mức sơ khai. Công nhân ngành này có rất ít kênh đối thoại, khiếu nại và 80% vẫn dựa vào các tổ trưởng sản xuất như một kênh thay thế không chính thức (Hình 5). Mặt khác, các công nhân ngành dệt may có nhiều sự lựa chọn hơn bao gồm cả các kênh chính thức và phi chính thức để nêu lên ý kiến của họ. Nghiên cứu còn tìm thấy dấu hiệu phân biệt đối xử theo giới tính một cách có hệ thống trong tuyển dụng và sự nghiệp tại các doanh nghiệp điện tử. Các doanh nghiệp này thường có chính sách chỉ tuyển nữ vào làm công nhân sản xuất trong khi các vị trí quản lý hầu hết lại là nam.
9. Chuỗi cung ứng ngành dệt may, giấy dép và điện tử tại Việt Nam bị chi phối bởi các nhà cung cấp Đông Á trong khi các doanh nghiệp trong nước chủ yếu tham gia cung ứng cấp 2. Trước năm 1997, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) phải đi dưới hình thức liên doanh giữa nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước. Kể từ năm 1997, việc hạn chế quyền sở hữu này đã được gỡ bỏ, gây ảnh hưởng không nhỏ lên cấu trúc sở hữu của các doanh nghiệp FDI. Trong năm 2006, các dự án liên doanh sụt giảm chỉ còn 42,5% tổng vốn nước ngoài đăng ký (Herr al. 2016). Trong khi mô hình liên doanh trở nên mờ nhạt, cả chính phủ và địa phương đều đưa ra các ưu đãi khuyến khích đầu tư nước ngoài mà cái giá phải trả là các nhà đầu tư trong nước. Ví dụ, chính phủ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các dự án trên 300 triệu đô la Mỹ mà hầu hết các doanh nghiệp được hưởng là các doanh nghiệp FDI do các doanh nghiệp trong nước không thể có mức

Hình5: Các kênh khiếu nại được công nhân tín nhiệm trong ngành dệt may và điện tử



Nguồn: Nghiên cứu CLS+ tại Việt Nam, 2016

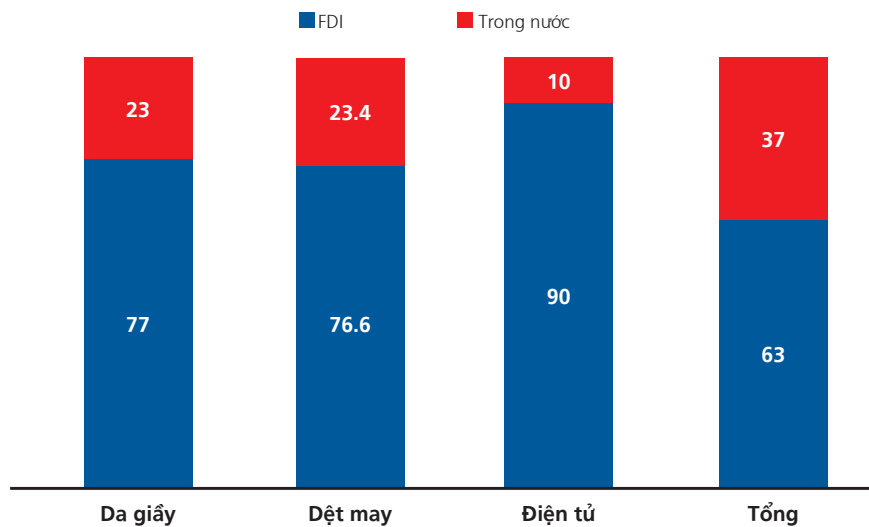
đầu tư lớn như vậy⁵. Cùng với đó, để thu hút doanh nghiệp nước ngoài, chính quyền các tỉnh còn sẵn sàng đưa ra những ưu đãi lớn hơn nữa đối với các nhà đầu tư nước ngoài, như đã thấy trong trường hợp của nhà máy Samsung Thái Nguyên⁶. Nói cách khác, chính sách thu hút nhà đầu tư nước ngoài của chính quyền trung ương và địa phương đang chống lại các nhà đầu tư trong nước khi đưa ra hàng loạt ưu đãi đối với dự án FDI mà không có bất cứ ràng buộc nào về chuyển giao công nghệ. Bởi vậy, các chuỗi cung ứng trong ngành hàng may sẵn, giấy dếp và điện tử tại Việt Nam bị chi phối bởi các nhà đầu tư Đông Á (Hình 6). Có thể thấy rõ nhất sự thống trị của các doanh nghiệp FDI trong ngành điện tử, nơi các doanh nghiệp nội địa đóng góp chỉ 10% vào giá trị xuất khẩu.

Mặc dù vậy, nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng trong khi hầu hết các doanh nghiệp FDI tại ba ngành được khảo sát không mặn mà với việc nâng cao kỹ năng và giữ mức lương và điều kiện lao động ở mức tối thiểu, các doanh nghiệp cổ phần hóa trong nước gắn bó hơn với lực lượng lao động và thường có cách tiếp cận chuẩn lao động bền vững hơn. Vì vậy, việc các doanh nghiệp trong nước tham gia đóng đảo hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu ở các ngành xuất khẩu trọng điểm sẽ tạo tác động tích cực lên chất lượng lao động và tiêu chuẩn lao động cho công nhân làm việc trong ngành. Điều này càng được củng cố khi các công ty dệt may cổ phần hóa trước thuộc tập đoàn nhà nước VINATEX có xu hướng đầu tư nhiều hơn doanh nghiệp FDI vào các

công đoạn như kéo sợi, dệt và nhuộm, nhờ đó gia tăng tỉ lệ nội địa hóa.

10. Chính sách công nghiệp quốc gia của Việt Nam chưa hiệu quả. Mô hình phát triển của Việt Nam phụ thuộc chủ yếu vào xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên. Trong đó, dầu thô chiếm 20% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tỷ trọng xuất khẩu dịch vụ trong tổng kim ngạch xuất khẩu đã giảm từ 11,6% vào năm 2005 còn 7,6% vào năm 2012 và 7,6% vào năm 2014. Trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các sản phẩm gia công công nghệ thấp như may mặc, nội thất, giấy dếp và điện tử. Tuy nhiên ngay cả đối với các sản phẩm này, tỉ lệ nội địa hóa còn thấp, chỉ ở mức 40-55% (CNV International 2016). Trong khi đó khu vực tư nhân trong nước đang phải đối mặt với nhiều khó khăn như bị hạn chế tiếp cận tín dụng ngân hàng, tiếp cận quỹ đất... dẫn đến việc bị phân biệt đối xử so với khu vực FDI. Nếu không có một chính sách công nghiệp hiệu quả, việc mở rộng mậu dịch quốc tế sẽ đe dọa làm sâu sắc thêm sự chênh lệch về trình độ phát triển và cản trở tiến trình phát triển kinh tế (Herr et al. 2016). Một trong những lý do chính cho sự thiếu hiệu quả của chính sách công nghiệp Việt Nam là sự phân quyền trong quản lý nhà nước. Nghiên cứu đã nhận thấy những khác biệt lớn trong chính sách công nghiệp, đầu tư và lao động giữa các tỉnh, điển hình như tỉnh Long An ở phía nam và Đà Nẵng ở miền Trung Việt Nam.

Hình6: Mức đóng góp vào giá trị xuất khẩu của khối FDI và doanh nghiệp trong nước (%)



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2015

11. Chính sách công nghiệp mạnh mẽ và chiến lược đầu tư có chọn lọc sẽ có lợi cho việc cải thiện tiêu chuẩn lao động. Bằng cách so sánh chính sách đầu tư và công nghiệp giữa Long An và Đà Nẵng, nghiên cứu đã cho thấy sự khác biệt rõ ràng giữa 2 tỉnh thành, dẫn đến cách tiếp cận tiêu chuẩn lao động không đồng nhất. Một mặt, Long An đang cố gắng thu hút FDI nhanh nhất một cách không chọn lọc trong khi xem nhẹ việc đầu tư nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý, thanh tra lao động và công đoàn. Mặt khác, Đà Nẵng chọn cách tiếp cận cao hơn. Thành phố Đà Nẵng có các chính sách mạnh mẽ về công nghiệp với cách thức tiếp cận minh bạch và có chọn lọc đối với các dự án đầu tư, trong khi vẫn giữ được dòng FDI lớn và ngày càng thu hút nhiều đầu tư hơn vào lĩnh vực công nghiệp sử dụng công nghệ cao và sạch hơn. Cùng lúc đó, để ngăn chặn các vấn đề về lao động có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường đầu tư thành phố, chính quyền Đà Nẵng đã tích cực tăng cường thanh tra lao động đồng thời nâng cao năng lực cho các công đoàn cơ sở.

trong hiệp định thương mại với Việt Nam, Mỹ lại chọn cách tiếp cận thiên về xử phạt trong TPP. Mặc dù cả hai hiệp định đều đang chờ được phê chuẩn⁷, chúng đã bước đầu có tác động khi chính phủ Việt Nam cam kết sửa đổi khuôn khổ pháp lý, gồm cả Luật Lao động, cho phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về lao động để hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

12. Cuối năm 2015, sau nhiều năm đàm phán, Việt Nam đã ký kết song song hai hiệp định thương mại tự do quan trọng: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định Thương mại Tự do với Liên minh Châu Âu (EVFTA). Cả hai hiệp định thương mại đều là các hiệp định ‘thế hệ mới’ bởi chúng không chỉ toàn diện mà còn bao gồm nhiều chương quy định chi tiết về tính bền vững (trong vấn đề môi trường và lao động). Tuy nhiên, trong khi Châu Âu như thông lệ trước đây chọn cách khuyến khích thúc đẩy các vấn đề bền vững

Chú thích

1. Ferenc Schmél, "Cấu trúc giá sản xuất trong ngành giày dép" UNIDO, 2000, <http://www.unido.org/fileadmin/import/userfiles/timminsk/leatherpanel14schmelcosts.pdf>.
2. "Cái giá phải trả để sản xuất ra một chiếc giày?" SoleReview, 22 tháng Năm 2016, <https://www.solereview.com/what-doesit-cost-to-make-a-running-shoe/>.
3. Các nhà cung cấp là các công ty trung gian nhận đơn đặt hàng từ các nhãn hàng và bỏ thầu lại cho các nhà máy sản xuất khác.
4. Lãi suất ngân hàng tại Việt Nam trong năm 2015 và 2016 ở mức 6-7%/năm.
5. <http://www.hepza.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/84>
6. <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/de-xuat-uu-dai-dac-biet-cho-samsung-thainguyen-3110403.html>
7. Khi báo cáo này được đưa ra, Tổng thống đắc cử Mỹ - Donald Trump đã tuyên bố sẽ rút lại sự tham gia của Mỹ vào TPP trong ngày đầu tiên nhậm chức.

Tài liệu tham khảo

- CNV International. 2016. Nghiên cứu quốc gia cho Việt Nam: Tiêu chuẩn lao động trong chuỗi cung ứng ngành dệt may. Liên kết: <https://www.cnvinternationaal.nl/Resources/Persistent/c693cde01921991a984c192d70c887f75412dcd/CNV-Vietnam-Garment-Supply-Chain-web%20clickable%20ENG%20DEF.pdf>
- Herr. H, Schweisshelm. E & Truong. M.V. 2016. Việt Nam trong Kinh tế Toàn cầu: Phát triển thông qua hội nhập hay bẫy thu nhập trung bình? Nghiên cứu Sơ bộ của FES
- Ngân hàng Thế giới. 2015. Chứng khoán: Cập nhật phát triển kinh tế Việt Nam thời gian qua. Hà Nội: Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam. Liên kết: <http://www.worldbank.org/en/news/feature/2015/12/02/taking-stock-an-update-on-vietnams-recent-economic-developments-key-findings-december-2015>
- SoleReview. 22/05/2015. Chi phí sản xuất một đôi giày chạy. Liên kết: <https://www.solereview.com/what-does-it-cost-to-make-a-running-shoe/>
- Thời báo Kinh doanh Thế giới. 16/03/2016. Giá thực của một chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7? Tiết lộ giá của điện thoại thông minh. Liên kết: <http://www.ibtimes.co.uk/how-much-does-samsung-galaxy-s7-really-cost-price-smartphone-revealed-1549917>
- Tổng cục Hải quan Việt Nam. 2015. Tình hình xuất nhập khẩu cả nước năm 2015. Liên kết: <http://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- UNIDO. 2000. Cấu trúc giá sản xuất trong công nghiệp giấy dệp. Liên kết: <http://www.unido.org/fileadmin/import/userfiles/timminsk/leatherpanel14schmelcosts.pdf>

Tác giả

Đỗ Quỳnh Chi là sáng lập viên và giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Quan hệ Lao động, một doanh nghiệp xã hội của Việt Nam thực hiện các nghiên cứu liên quan đến các vấn đề lao động. Cô có bằng tiến sĩ ngành quan hệ lao động cấp bởi Đại học Sydney, Úc và thường xuyên đóng góp các bài viết cho các tạp chí quốc tế cũng như các ấn phẩm trong ngành.

Quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này không nhất thiết là của Friedrich-Ebert-Stiftung.

Xuất bản

@2016 Friedrich-Ebert-Stiftung Văn phòng tại Việt Nam
7 Bà Huyện Thanh Quan | Ba Đình | Hà Nội – Việt Nam

Chịu trách nhiệm:

Erwin Schweisshelm | Trưởng đại diện

Điện thoại: +84 4 3845 5108

Website: www2.fesvietnam.org

Facebook: [FriedrichEbertStiftung.Vietnam](https://www.facebook.com/FriedrichEbertStiftung.Vietnam)

Liên hệ đặt ấn phẩm:

info@fes-vietnam.org

Việc sử dụng bất kỳ sản phẩm truyền thông nào của Friedrich-Ebert-Stiftung (FES) vì mục đích thương mại đều không được phép nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của FES.

Friedrich-Ebert-Stiftung (FES) is the oldest political foundation in Germany.

The foundation is named after Friedrich Ebert, the first democratically elected president of Germany.

The **Regional Programme in Asia** complements FES programmes and projects on the global and national level. Its approach and focus is going beyond the national level by responding to the trends of globalisation, labour mobility, regional integration and connectivity in all areas of life. The projects conducted under its framework target to build transnational networks and coalitions between individuals and organisations and promote change for more social justice, sustainable peace, economic development in the region.